

NÂNG CAO TÍNH CHỦ ĐỘNG CỦA GIÁNG VIÊN CÁC TRƯỜNG SỰ PHẠM ĐỊA PHƯƠNG TRƯỚC YÊU CẦU ĐỔI MỚI CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Trần Văn Anh - Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

Ngày nhận bài: 20/01/2017; ngày sửa chữa: 10/02/2017; ngày duyệt đăng: 21/02/2017.

Abstract: Nowadays, lecturers at local pedagogical schools, who are carrying out the general education program in provinces and cities in our country, are facing challenges and opportunities in the context of integration and comprehensive and fundamental education reform. With the shortened duration of the curriculum, lecturers must promote their initiative in training pedagogical students with aim to meet requirements of the education reform. In the article, author points out advantages and disadvantages for lecturers at local pedagogical schools in teaching in current period and then proposes some solutions to enhance the initiative of lecturers and improve quality of training at local pedagogical schools.

Keywords: Local pedagogical school, lecturers, the initiative, the active.

1. Mở đầu

Giảng viên (GV) các trường sư phạm là nhân tố chủ đạo trong quá trình đào tạo giáo viên (ĐTGV); giáo viên lại là lực lượng trực tiếp thực hiện chương trình giáo dục phổ thông. Như vậy, GV có mối quan hệ mật thiết với chương trình giáo dục phổ thông thông qua giáo viên - sản phẩm đào tạo trực tiếp của GV các trường sư phạm. Chương trình giáo dục phổ thông mới đòi hỏi giáo viên phải thay đổi, nên chương trình ĐTGV ở các trường sư phạm phải chuyển đổi cho phù hợp, do đó, GV các trường sư phạm địa phương (SPĐP) cũng phải thay đổi để thích ứng chương trình giáo dục phổ thông mới. Làm sao để GV các trường SPĐP chủ động ĐTGV cho những chương trình giáo dục phổ thông khác nhau? Tác giả bày tỏ quan điểm và đề xuất các giải pháp dưới góc nhìn của GV một trường ĐTGV của Hà Nội.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Thách thức và cơ hội của GV trường SPĐP hiện nay

2.1.1. Thách thức đối với GV các trường SPĐP

Thách thức đối với GV các trường SPĐP hiện nay là áp lực cạnh tranh và thể hiện năng lực với GV các trường sư phạm trọng điểm quốc gia cũng như các trường SPĐP khác. GV các trường SPĐP không có được môi trường làm việc chuyên nghiệp và rộng mở như đồng nghiệp ở các trường đại học sư phạm cấp quốc gia. Các trường SPĐP đa số là cao đẳng sư phạm hoặc từ cao đẳng nâng cấp lên đại học. Trường cao đẳng sư phạm ĐTGV các cấp mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; trường đại học mở rộng ĐTGV trung học phổ thông. Mô hình và phương thức đào tạo ở trường SPĐP không khác gì so với các trường sư phạm quốc gia trên cả nước, nhưng điều kiện ngân sách và môi trường làm việc chịu ảnh hưởng địa phương.

GV các trường SPĐP tiếp cận và làm việc với đối

tượng sinh viên (SV) có điểm đầu vào thấp hơn đầu vào SV các trường sư phạm quốc gia. Để hướng tới đầu ra của SV đáp ứng yêu cầu đào tạo, sự nỗ lực làm việc của GV các trường SPĐP phải tăng hơn so với GV các trường sư phạm quốc gia. Trong khi đó, môi trường làm việc (bao gồm cả điều kiện vật chất, phong cách làm việc, cơ hội phát triển nghề nghiệp...) lại không rộng mở như ở các trường sư phạm quốc gia. Đây là thách thức rất lớn đối với mỗi GV các trường SPĐP.

Các trường SPĐP hầu hết có nòng cốt là cao đẳng sư phạm nâng cấp thành đại học, từ đào tạo đơn ngành sư phạm chuyên sang đa ngành. Đối với trường đại học địa phương, sư phạm chỉ là một ngành đào tạo chủ yếu và truyền thống; khi chuyên sang đào tạo đa ngành, có thể dẫn tới sự thu hẹp quy mô và đầu tư cho đào tạo sư phạm, nhất là khi các ngành ngoài sư phạm có tiềm năng và thời cơ phát triển. Trong khi đó, các trường sư phạm quốc gia đào tạo chuyên sâu về sư phạm ở trình độ đại học và sau đại học. GV các trường SPĐP đứng trước thách thức dịch chuyển chuyên môn đào tạo theo hướng ngang; còn GV các trường sư phạm quốc gia có điều kiện đi sâu và nâng cao theo hướng thẳng.

Ngoài áp lực sản sau của các trường sư phạm quốc gia, GV các trường SPĐP cũng cần nhìn nhận và cạnh tranh với năng lực của GV trường SPĐP khác. Chất lượng GV là điều kiện sống còn của nhà trường, góp phần xây dựng uy tín và thương hiệu và bản sắc của một trường sư phạm trong ĐTGV cho địa phương. Thách thức này đồng thời là trách nhiệm mà mỗi GV trường SPĐP phải ý thức được để nâng cao chất lượng đội ngũ GV trường mình.

2.1.2. Cơ hội của GV các trường SPĐP

Cùng với thách thức, GV các trường SPĐP cũng

đứng trước những cơ hội. GV các trường SPDP có điều kiện học tập kinh nghiệm về đào tạo sư phạm từ các chuyên gia giáo dục, các nghiên cứu của các trường sư phạm trọng điểm quốc gia; cơ hội tiếp cận và nghiên cứu các mô hình và phương thức ĐTGV của nước ngoài. Trên cơ sở đó, GV các trường SPDP có cơ hội rút ngắn hơn quá trình học tập kinh nghiệm đào tạo.

Đối với GV các trường đại học đào tạo đa ngành, trong đó có sư phạm, giảng viên sư phạm (GVSP) ở các trường địa phương có cơ hội dịch chuyển, tiếp cận với các ngành đào tạo năng động ngoài sư phạm. Đây là cơ hội giúp cho các GV phát huy được năng lực tiềm tàng của mình và vận dụng kiến thức liên ngành trong nghiên cứu và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

Trước yêu cầu đổi mới giáo dục toàn diện, các GVSP ở các trường địa phương có cơ hội đề xuất xây dựng và phát triển mô hình đào tạo, chương trình đào tạo sư phạm mang *bản sắc địa phương* mình. Tính bản sắc trong đào tạo SPDP được thể hiện trong nét riêng trong chuẩn đầu ra, trong tiếp cận với định hướng giáo dục phát triển năng lực, trong đó có năng lực thích hợp với điều kiện KT-XH địa phương. Tính bản sắc trong đào tạo sư phạm của các trường địa phương được thể hiện rõ nét trong chương trình đào tạo với những học phần mang dấu ấn địa phương mà ở nơi khác không có trong chương trình.

2.2. Một số yêu cầu nhằm nâng cao tính chủ động của GVSP

2.2.1. Nâng cao năng lực thích ứng của GVSP

Đặt vấn đề năng lực thích ứng với GVSP là điều cần thiết, bởi vì sự vận động của điều kiện KT-XH buộc lĩnh vực GD-ĐT phải nhanh chóng chuyển biến. Một mặt, GD-ĐT phải theo sát thực tiễn, mặt khác, giáo dục phải đi trước, có tính mở đường, chuẩn bị về tư tưởng, nhân lực cho những nhiệm vụ KT-XH trong tương lai. Năng lực thích ứng của GV các trường sư phạm được hiểu là khả năng vận dụng kiến thức chuyên môn một cách chủ động, sáng tạo, linh hoạt để đào tạo ra những giáo viên đạt chuẩn đầu ra về kiến thức, năng lực giáo dục và phẩm chất nghề nghiệp. Năng lực này được thể hiện ở các mặt cụ thể như sau: - Tiếp cận với những thành tựu nghiên cứu mới về khoa học chuyên ngành và giáo dục học. Đây là một trong những yếu tố quan trọng vì kiến thức là thành tố đầu tiên cho việc hình thành và phát triển năng lực của GV, trong đó không thể xem nhẹ lĩnh vực kiến thức giáo dục học; - Vận dụng tích cực và hiệu quả những thành tựu nghiên cứu mới vào quá trình đào tạo SV sư phạm. Nếu GV không thực hành trong công việc chuyên môn, sự hiểu biết chỉ tạo ra tiềm năng, chưa trở thành năng lực. Vận dụng các thành tựu nghiên cứu vào công việc một cách tích cực, nhuần nhuyễn, đem lại hiệu quả là sự minh chứng cho năng lực của GV; - Phân tích thực trạng và đoán định những xu thế phát triển của giáo dục Việt Nam là công việc đòi hỏi tư duy nhạy bén, khả năng quan sát, thu thập thông tin và tổng hợp

vấn đề từ các dữ liệu thực tế. Trên cơ sở hiểu biết và sự suy luận, GV phải phán đoán những xu thế phát triển của giáo dục Việt Nam. Điều này là tiền đề cho việc lựa chọn hay áp dụng những kiến thức và phương pháp giảng dạy nào để phát triển năng lực thiết yếu cho SV; - Sử dụng ngoại ngữ và công nghệ thông tin nâng cao hiệu quả công việc. Trong thời đại bùng nổ công nghệ - thông tin cùng với hội nhập quốc tế khu vực, ngoại ngữ và công nghệ thông tin chính là phương tiện hữu hiệu giúp GV mở rộng tri thức và thích ứng nhanh với biến đổi trong nghề nghiệp.

2.2.2. GV chủ động xây dựng và phát triển chương trình ĐTGV

Cơ sở lí luận của đề xuất này dựa trên lí luận về xây dựng và phát triển chương trình giáo dục. Chương trình đào tạo ở trường sư phạm trang bị khối lượng kiến thức khoa học chuyên ngành và giáo dục học nền tảng; chú trọng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu, đặc biệt năng lực phát triển chương trình, thích ứng với đổi mới. SV ngành sư phạm khi ra nghề có thể tiếp cận và thực hiện các chương trình giáo dục khác nhau dựa trên nền tảng các năng lực đã được đào tạo. Hiểu biết về chương trình và phát triển chương trình ở trường sư phạm cũng như chương trình phổ thông. Trên cơ sở hiểu biết đó, GV xây dựng chương trình ĐTGV theo hướng hình thành và phát triển các năng lực thiết yếu cho nghề nghiệp dạy học.

Tiếp cận xu hướng giáo dục hiện đại, kết hợp yêu cầu giáo dục trong nước và địa phương. Chương trình giáo dục được xác định có tính hiện đại, tính dân tộc, tính ổn định, chính vì thế, đáp ứng yêu cầu trước mắt cho một chương trình hiện hành là chưa đủ mà GV cần nhận thấy xu thế giáo dục trong tương lai gần để công tác ĐTGV có tính dự báo và chuẩn bị điều kiện nhân lực cho đổi mới chương trình.

Hiểu biết về nguyên tắc xây dựng chương trình, chương trình tiếp cận nội dung hay năng lực, mục tiêu của chương trình giáo dục một cách hệ thống, sâu sắc là nền tảng để GV xây dựng chương trình ĐTGV một cách chủ động, linh hoạt. Trong đó, không chỉ GV cần năng lực thích ứng, mà giáo viên được đào tạo từ các trường sư phạm cũng cần được trang bị kiến thức và khả năng vận dụng kiến thức về phát triển chương trình giáo dục phổ thông. Đây là chìa khóa để giải quyết vấn đề ĐTGV trong một giai đoạn và sự thay đổi chương trình phổ thông trong tương lai.

Như vậy, ứng xử của GVSP trước đổi mới chương trình giáo dục phổ thông không phải là sự thay đổi thụ động của GV trước sự đòi hỏi của chương trình phổ thông, mà là sự chủ động, năng động, sáng tạo của GV, với tư cách những người đi trước, tạo ra xu thế đổi mới GD-ĐT SV có năng lực thích ứng với đổi mới.

2.2.3. GVSP ở trường SPDP xây dựng chương trình ĐTGV mang bản sắc địa phương và có tính độc lập tương đối với chương trình giáo dục phổ thông

Cơ sở thực tiễn của quan điểm được xuất phát từ thực tiễn giáo dục Việt Nam và những kinh nghiệm giáo dục nước ngoài. “Tuổi thọ” chương trình và chu kỳ đổi mới chương trình ngày càng rút ngắn. Chương trình tiếp cận mục tiêu nội dung kiến thức vừa hàn lâm vừa thiếu tính ứng dụng thực tế dần được thay thế bằng chương trình tiếp cận năng lực, đáp ứng những đòi hỏi thực tiễn của đời sống KT-XH. Đổi mới giáo dục là một nhu cầu cấp bách và thiết yếu đối với Việt Nam để “nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài” trong một môi trường cạnh tranh và hội nhập. Tuy vậy, mỗi khi đổi mới giáo dục, thường nảy sinh những ý kiến trái chiều. Nguyên nhân của những ý kiến trái chiều xuất phát từ quan điểm tiếp cận và nhận thức khác nhau, vị thế và quyền lợi khác nhau trong công cuộc đổi mới. Mỗi một cá nhân trong ngành giáo dục cần nhận thức về đổi mới như một nhu cầu nội tại và chủ động, tự thích ứng với điều kiện mới.

Chương trình đào tạo ở trường sư phạm và chương trình giáo dục phổ thông có mối quan hệ *độc lập tương đối* với nhau. Tính độc lập thể hiện ở chỗ, không chương trình nào bị ràng buộc hay chi phối bởi chương trình kia. Tuy vậy, sự độc lập chỉ là tương đối, bởi cả hai chương trình được xây dựng trên nền tảng triết lý giáo dục Việt Nam, và thể hiện những giá trị cốt lõi của giáo dục Việt Nam trong một thời kỳ nhất định. GV các trường sư phạm và chương trình giáo dục phổ thông có hai mối liên hệ:

- GV trực tiếp đóng góp, nhận xét cho việc xây dựng chương trình giáo dục phổ thông, đồng thời cũng bám sát chương trình phổ thông để vận dụng thực tiễn vào đào tạo;
- GV liên hệ gián tiếp với chương trình phổ thông qua ĐTGV thực hiện chương trình giáo dục phổ thông.

Trong các mối liên hệ này, GV đều có thể chủ động thích ứng với chương trình giáo dục phổ thông.

Để nâng cao tính chủ động của GVSP với chương trình giáo dục phổ thông khác nhau, cần sự chủ động của GV và cả chủ trương, chính sách từ bên trên. Tuy nhiên, yếu tố chủ động, tích cực của GV là quan trọng nhất. Cụ thể:

- GVSP cần có năng lực xây dựng và phát triển chương trình trong ĐTGV đáp ứng yêu cầu phát triển KT-XH địa phương. Trên cơ sở chương trình khung, GV chính là người đề xuất những năng lực, môn học phù hợp ĐTGV nói chung và giáo viên cho địa phương nói riêng; chương trình phải đảm bảo tính thống nhất với các chương trình đào tạo sư phạm khác vừa mang bản sắc độc đáo của địa phương;
- GV cần nâng cao năng lực nghiên cứu, theo phương châm “*người dạy học là người học suốt đời*”. Cùng với sự chú trọng trong nghiên cứu khoa học chuyên ngành, GVSP còn là nhà nghiên cứu giáo dục học. Sự tích hợp lĩnh vực nghiên cứu khoa học chuyên ngành và giáo dục học của GVSP trở thành đặc thù của GVSP, sử dụng ngoại ngữ và công nghệ thông tin là yêu cầu cần thiết trong nghiên cứu và giảng dạy.

- Bên cạnh việc am hiểu giáo dục học và lí luận dạy học bộ môn, để thích ứng với chương trình phổ thông, GVSP cần được trải nghiệm thực tiễn giáo dục phổ thông qua các hoạt động như tham gia bồi dưỡng giáo viên, giảng dạy phổ thông, dự giờ giáo viên... Điều kiện lí tưởng là hệ thống trường thực hành của trường sư phạm, nơi GV trực tiếp dạy học với tư cách giáo viên phổ thông. Việc tham quan học tập các mô hình giáo dục trong nước, tham quan thực tế giáo dục nước ngoài cũng là điều kiện tốt và cần thiết cho GV các trường địa phương.

Đề các trường sư phạm xây dựng chương trình đào tạo vừa thống nhất, vừa đa dạng, vừa giàu bản sắc địa phương, việc cần thiết là xác định triết lý giáo dục và giá trị cốt lõi của giáo dục Việt Nam trong giai đoạn cụ thể. Dựa vào giá trị cốt lõi đó, các trường sư phạm sẽ chủ động xây dựng và thực hiện chương trình đào tạo nhằm tạo ra các giáo viên có các năng lực đáp ứng yêu cầu thực tiễn và năng lực thích ứng với đổi mới chương trình. Chương trình giáo dục phổ thông cũng dựa trên cơ sở giá trị cốt lõi và căn cứ vào thực tế để đổi mới có tính kế thừa và tiếp cận hiện đại. GVSP phải qua được bồi dưỡng lớp lí luận giáo dục và có năng lực nghiệp vụ sư phạm; chỉ các trường sư phạm và khoa sư phạm đủ điều kiện mới được ĐTGV sẽ là điều kiện tốt cho giải pháp đã đề xuất.

3. Kết luận

Giáo dục là một thiết chế trong xã hội, vận động cùng xã hội, hơn nữa, giáo dục phải đi trước một bước để tạo ra những con người đáp ứng xã hội mới. Chính vì vậy, việc đổi mới giáo dục, cũng như đổi mới chương trình giáo dục phổ thông là một hiện tượng bình thường có tính quy luật. Đổi mới GD-ĐT là một quá trình diễn ra không ngừng, đưa nhận thức xã hội và trình độ lao động của đất nước đi lên. Các trường SPĐP đang đứng trước thời cơ và thách thức mới, đòi hỏi phải nhanh chóng thích ứng với điều kiện mới. Để thích ứng với điều đó, mỗi GVSP nói chung và GV SPĐP phải chủ động đổi mới, nâng động sáng tạo, nâng cao năng lực của mình.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ GD-ĐT (2017). *Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể*.
- [2] Phạm Minh Hạc (2011). *Triết lý giáo dục thế giới và Việt Nam*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [3] Nguyễn Vũ Bích Hiền (2015). *Phát triển và quản lí chương trình giáo dục*. NXB Đại học Sư phạm.
- [4] Quốc hội (2012). *Luật Giáo dục đại học*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [5] Hà Nhật Thăng - Trần Hữu Hoan (2013). *Xu thế phát triển giáo dục*. NXB Đại học Sư phạm.